

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi

con

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Thanh Bắc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Quang; Bà Nguyễn Thị Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn P, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Lò Văn P tự tìm hiểu, yêu thương nhau và về chung sống với nhau từ năm 2023, sau đó đến ngày 27/3/2024 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn giữa chị và anh P là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Từ khi kết hôn đến thời điểm chị nộp đơn khởi kiện đến Tòa án thì vợ chồng có xảy ra nhiều xích mích, cãi nhau do cả hai không còn tình cảm và

không có tiếng nói chung. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh P chơi bời, rượu chè, cờ bạc, ngoại tình, chị đã nhiều lần cho anh P cơ hội để sửa đổi nhưng vẫn chứng nào tật đấy, sau đó thì vợ chồng chị sống ly thân nhau. Quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị cũng được hai bên gia đình đứng ra giảng hòa nhưng anh P vẫn không thay đổi, hơn nữa bản thân chị hiện nay cũng không còn tình cảm gì với anh P nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Lò Nhật M, sinh ngày 09/4/2024. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng với chị tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Từ khi chị và anh P sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh P không quan tâm gì đến chị và con. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc con chung cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Lò Văn P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lò Văn P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh cố tình không đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn với chị T. Theo biên bản xác minh đối với bố mẹ đẻ của anh P là ông Lò Văn T1 và bà Tòng Thị N thì ông T1 và bà N cho biết đã thông báo cho anh P biết về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh P và chị T nhưng anh P không có ý kiến gì.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T và xem xét quyết định: Chị T được ly hôn với anh P; giao con chung Lò Nhật M, sinh ngày 09/4/2024 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; do chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con và chị T không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Xác định bị đơn anh Lò Văn P có nơi cư trú tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Lò Văn P về chung sống với nhau từ năm 2023, đến ngày 27/3/2024 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn giữa chị T và anh P hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh P hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị T và anh P thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, sau đó chị T và anh P sống ly thân nhau, chị T và con chung về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái để sinh sống còn anh P ở cùng với bố mẹ đẻ tại bản Tát Xôm, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh P biết việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bỏ mặc chị T tự làm các thủ tục ly hôn tại Tòa án. Kết quả xác minh tại Ủy ban xã T cho thấy quá trình

chung sống chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải nên không biết rõ nguyên nhân; hiện tại chị T và anh P đã sống ly thân nhau.

Xét thấy chị T và anh P mới xảy ra mâu thuẫn nhưng đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân cả hai không còn quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, việc ai người đó làm. Đặc biệt là hiện tại bản thân chị T không còn tình cảm gì với anh P, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P là đảm bảo quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Lò Nhật M, sinh ngày 09/4/2024, hiện nay con chung đang sinh sống ổn định cùng chị T tại Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tính đến thời điểm xét xử con chung là cháu Lò Nhật M mới được 05 tháng 21 ngày tuổi, còn rất nhỏ và rất cần sự chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng từ người mẹ. Vì vậy, cần giao con chung là Lò Nhật M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Nhật M, sinh ngày 09/4/2024 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Lò Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu anh Lò Văn P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000933 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Lang Thíp, huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thanh Bắc**